

Số: 107/2024/QĐST-HNGĐ

Phong Điền, ngày 21 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1989; Số CCCD: 046189004731, cấp ngày 28/6/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; địa chỉ: **Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

2/ Anh **Chế Văn Quốc T**, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1988; Số CCCD: 046088015474, cấp ngày 17/6/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; địa chỉ: **Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 8 năm 2024 các đương sự đã thỏa thuận các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Chế Văn Quốc T** và chị **Nguyễn Thị Hồng N** tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P (nay là phường G), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 07/10/2013.

Qua hòa giải đoàn tụ không thành, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Về con chung: Cả hai đương sự đều xác nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu **Chế Nguyễn Quỳnh N1**, sinh ngày 12/6/2014.

Vợ chồng thỏa thuận giao cháu **Chế Nguyễn Quỳnh N1**, sinh ngày 12/6/2014 cho chị **Nguyễn Thị Hồng N** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi

ly hôn cho đến khi cháu **N1** thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự thỏa thuận anh **Chế Văn Quốc T** có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu **Chế Nguyễn Quỳnh N1**, sinh ngày 12/6/2014 định kỳ mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu **N1** tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hai đương sự xác nhận vợ chồng không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Hai đương sự thỏa thuận anh **T** chịu toàn bộ Lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Chế Văn Quốc T** và chị **Nguyễn Thị Hồng N**

1.2 Về con chung: Giao cháu **Chế Nguyễn Quỳnh N1**, sinh ngày 12/6/2014 cho chị **Nguyễn Thị Hồng N** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu **N1** tròn 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh **Chế Văn Quốc T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Chế Nguyễn Quỳnh N1**, sinh ngày 12/6/2014 định kỳ mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu **N1** tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.4 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Chế Văn Quốc T** tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000921 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự huyện Phong Điền. **Anh T1** đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự

năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Gia Hội (ĐKKH:117, ngày 07/10/2013);
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Ấn văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đạt